ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 121 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 6 năm 2014*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 3943
Ngày: 30/6/14
Chuyển: TỈNH

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2014

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

Trong 6 tháng đầu năm 2014, quán triệt các chủ trương và chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh, đặc biệt là chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014, chỉ đạo của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ mười lăm (khóa XVIII) tại Kết luận số 394-KL/TU ngày 29/11/2013 về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2013 và mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu năm 2014, chỉ đạo của HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ XI tại Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 và nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng khác để quản lý, điều hành hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành, chú trọng tập trung nguồn lực thực hiện tốt 03 nhiệm vụ đột phá, 02 nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực đạt được như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt 5.393,80 tỷ đồng (theo giá so sánh 1994), giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2013 và bằng 48,3% kế hoạch năm.

Nguyên nhân giảm chủ yếu là do Nhà máy Lọc dầu Dung Quất tạm dừng hoạt động để thực hiện bảo dưỡng định kỳ gần 2 tháng (bắt đầu từ ngày 19/5/2014). Tuy nhiên, nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì tổng sản phẩm trong tỉnh phần còn lại ước đạt 3.961,12 tỷ đồng, tăng 8,2% so cùng kỳ năm trước, đạt 48,8% kế hoạch.

1. Sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 9.569,61 tỷ đồng (theo giá so sánh 1994), giảm 15,8% so cùng kỳ năm trước và đạt 49,4% kế hoạch năm[1]. Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài dầu ước đạt 3.202,17 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 54,8% kế hoạch[2].

2. Thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước đạt 16.641,39 tỷ đồng, tăng 13,2% so với cùng kỳ 2013 và đạt 49,4% kế hoạch năm[3].

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 303,54 triệu USD, bằng 96,1% so với cùng kỳ 2013 và bằng 63,9% kế hoạch. Nguyên nhân giảm là do sản phẩm cơ khí của Công ty Doosan xuất khẩu thấp.

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 160,29 triệu USD, bằng 34% so với cùng kỳ 2013 và bằng 21,1% kế hoạch. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do sản lượng nhập khẩu dầu thô giảm.

Hoạt động vận tải duy trì mức tăng khá. Vận chuyển hành khách ước đạt 1,688 triệu lượt khách, tăng 17,45% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 2,787 triệu tấn, tăng 20,93% so với cùng kỳ. Doanh thu vận tải và các dịch vụ vận tải 6 tháng đầu năm ước đạt 772,87 tỷ đồng, tăng 18,83% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 5 tháng đầu năm 2014 khá bình ổn. CPI tháng 6/2014 so với tháng 12/2013 tăng 1,94%; bình quân 6 tháng so cùng kỳ năm trước tăng 4,75%.

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; Xây dựng nông thôn mới

a) Tổng giá trị sản xuất khu vực nông lâm nghiệp và thuỷ sản ước đạt gần 1.420,74 tỷ đồng (theo giá so sánh 1994), tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2013 và đạt 43,3% kế hoạch năm; trong đó:

- Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 746,70 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, bằng 38,7% kế hoạch năm. Sản lượng lương thực ước đạt 247.768 tấn, tăng 0,8% so với cùng kỳ, bằng 52,3% kế hoạch[4].

Tình hình dịch bệnh gia cầm và gia súc trong lĩnh vực chăn nuôi có xảy ra nhưng không nhiều. Tại thời điểm 01/4/2014, đàn trâu toàn tỉnh đạt 61.971

---

[1] Nguyên nhân giảm chủ yếu là do Nhà máy lọc dầu Dung Quất ngừng hoạt động như đã nêu.

[2] Một số sản phẩm công nghiệp tăng khá so cùng kỳ năm trước như: thủy sản chế biến; bánh kẹo các loại; sữa các loại; bia; nước khoáng và nước tinh khiết; phân bón.

[3] Kinh tế nhà nước ước đạt 1.056,65 tỷ đồng, tăng 3,2%; kinh tế cá thể ước đạt 12.095,71 tỷ đồng, tăng 13,4%; kinh tế tư nhân ước đạt 3.488,81 tỷ đồng, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước.

[4] Vụ đông xuân năm nay, năng suất lúa đạt 57,5 tạ/ha, sản lượng lúa đạt 221,5 ngàn tấn, tăng 0,2%. Diện tích ngô đạt 4.764,9 ha, năng suất đạt 55 tạ/ha; sản lượng đạt 26,2 ngàn tấn, tăng 5,9%. Diện tích các loại cây có hạt chứa dầu đạt 4.273,1 ha, giảm 1,4% so với cùng vụ 2013.

con, tăng 4,5% so với cùng thời điểm năm 2013; đàn bò đạt 274.318 con, tăng 0,2%; đàn lợn đạt 443.176 con, giảm 5,6%.

- Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước đạt 105,81 tỷ đồng, tăng 29,8% so với cùng kỳ và đạt 54,5% kế hoạch năm.

- Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 568,24 tỷ đồng, tăng 5,6% so với cùng kỳ, đạt 49% kế hoạch[5].

b) Chương trình xây dựng nông thôn mới

Tỉnh đã tổ chức hội nghị sơ kết, đánh giá kết quả 3 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (2011-2013), triển khai nhiệm vụ năm 2014. Trong năm, ngân sách đã bố trí cho Xây dựng nông thôn mới là 159,343 tỷ đồng, trong đó vốn Chương trình MTQG là 8,343 tỷ đồng (sự nghiệp), vốn TPCP là 101 tỷ đồng, ngân sách tỉnh cân đối là 50 tỷ đồng. Kế hoạch trong tháng 6 sẽ tiếp tục phân khai 100 tỷ vốn vay tín dụng ưu đãi và 34 tỷ đồng vốn vượt thu năm 2013 cho Chương trình, trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho 17 xã đạt trên 12 tiêu chí để bảo đảm đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2015.

4. Thu, chi ngân sách và tín dụng ngân hàng

a. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 16.194 tỷ đồng, tăng 31,2% so với cùng kỳ năm 2013 và đạt 64,2% dự toán HĐND tỉnh giao. Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn 6 tháng ước đạt 15.994 tỷ đồng, tăng 31,7% so với cùng kỳ và bằng 64,4% dự toán năm. Trong đó, thu từ sản phẩm lọc hóa dầu (thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thu khác) ước đạt 13.950 tỷ đồng, tăng 49,2% so với cùng kỳ năm 2013 và bằng 71,8% kế hoạch năm.

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương ước đạt 4.365,77 tỷ đồng, bằng 56,7% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó, chi đầu tư phát triển ước đạt 1.036 tỷ đồng, bằng 50,7% dự toán năm; chi thường xuyên ước đạt 2.693 tỷ đồng, bằng 54,7% dự toán năm.

b. Tín dụng ngân hàng

Tỉnh đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Ngãi hướng dẫn và giám sát các tổ chức tín dụng trên địa bàn trong việc thực hiện nghiêm túc các quy định về lãi suất, áp dụng mức lãi suất cho vay hợp lý; chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về mua bán ngoại tệ, niêm yết tỷ giá, quản lý ngoại hối; mở rộng tín dụng; tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực tài chính, quản trị, đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, chủ động thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu.

---

[5] 6 tháng đầu năm có hơn 56 ha tôm bị dịch bệnh. Có 102 ha thả nuôi trước lịch thời vụ và nhiều diện tích tôm bị bệnh, chết, tập trung nhiều nhất là huyện Đức Phổ (gần 40ha tôm bị chết sớm).

Tính đến ngày 31/5/2014, tổng nguồn vốn huy động đạt 31.500 tỷ đồng, tăng 18,24%; tổng dư nợ cho vay đạt 31.000 tỷ đồng, tăng 1,21% so với cuối năm 2013; trong đó, cho vay ngắn hạn (sản xuất, kinh doanh) chiếm 62,51% tổng dư nợ, vay trung và dài hạn chiếm 35,49% tổng dư nợ. Nợ xấu khoảng 305 tỷ đồng, chiếm 0,98% tổng dư nợ, tương đối thấp (so với mức an toàn là 3%).

5. Đầu tư phát triển và thu hút đầu tư

Kế hoạch vốn đầu tư từ vốn ngân sách và vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 là 2.065,354 tỷ đồng. Việc bố trí vốn đầu tư phát triển trong năm 2014 cơ bản được thực hiện đúng theo các Chỉ thị số: 1792/CT-TTg, 13/CT-TTg, 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Đến 30/6/2014, ước giải ngân đạt 44,2% kế hoạch vốn, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (6 tháng đầu năm 2013 giải ngân đạt 55,5%). Do nguồn vốn năm 2014 vẫn còn hạn chế, trong khi đó tỉnh phải phải cân đối để bù trượt giá và thực hiện nhiều Đề án, chính sách HĐND tỉnh ban hành nên nhiều công trình, dự án cần được đầu tư nhưng chưa có vốn triển khai thực hiện; bên cạnh đó, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cũng còn nhiều vướng mắc, đã làm chậm tiến độ triển khai nhiều dự án.

Ngoài ra, trong năm còn bổ sung thêm phần vốn đầu tư phát triển từ nguồn thu vượt dự toán HĐND tỉnh giao, nguồn chưa phân bổ năm 2014, nguồn Trung ương thưởng vượt thu (dự kiến) và nguồn 50% tăng thu dùng để cải cách tiền lương chuyển sang chi đầu tư phát triển.

Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Trong 5 tháng đầu năm 2014, không có dự án mới nào được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Nguyên nhân do tình hình kinh tế thế giới suy thoái chưa phục hồi, doanh nghiệp nước ngoài cắt giảm đầu tư. Dự kiến cuối quý II/2014 sẽ cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án Nhà máy sản xuất sợi của Công ty New - Manson Group (Hồng Kông) với tổng vốn đăng ký khoảng 15 triệu USD đầu tư vào khu công nghiệp VSIP.

Ngoài ra, tỉnh đã thu hồi Dự án Đầu tư thành lập chi nhánh FVDQ của Công ty điện tử Foster Đà Nẵng tại KCN Tịnh Phong, với tổng vốn đầu tư khoảng 8,3 triệu USD để chuyển đổi hoạt động kinh doanh. Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 28 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 4.020 triệu USD.

Ước 6 tháng đầu năm 2014, vốn thực hiện của các dự án FDI đạt khoảng 22 triệu USD, tăng 36% so với 6 tháng đầu năm 2013 (6 tháng năm 2013 giải ngân 16,18 triệu USD) và bằng 35% so với dự kiến cả năm (63 triệu USD). Chủ yếu tập trung vào các dự án trong Khu kinh tế Dung Quất (khoảng 20 triệu USD).

Tình hình thu hút đầu tư trong nước: Số dự án thu hút và tổng vốn đăng ký mới trong 6 tháng đầu năm 2014 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2013 và đạt thấp so với kế hoạch 2014. Chỉ có 04 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký

là 118 tỷ đồng[6] đầu tư vào lĩnh vực chế biến thủy sản và nuôi heo giống, sản xuất nhựa. Có 03 dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư chủ yếu điều chỉnh tiến độ, thay đổi chủ đầu tư. Lũy kế đến tháng 6/2014, toàn tỉnh có 283 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 110.375 tỷ đồng.

Tổng vốn thực hiện đạt hơn 300 tỷ đồng, trong đó thủy điện Đăkđring khoảng 280 tỷ đồng.

Hoạt động xúc tiến đầu tư: Công tác xúc tiến đầu tư được tỉnh chú trọng, đã tổ chức tốt Hội nghị phân tích, đánh giá kết quả thực hiện chỉ số PCI năm 2013, giải pháp cải thiện năm 2014 và các năm tiếp theo. Phối hợp với Công ty liên danh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) chuẩn bị các nội dung liên quan để tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư tại Hà Nội vào tháng 8/2014.

6. Công tác quản lý và đăng ký doanh nghiệp

Trong 6 tháng đầu năm 2014, đã tiếp nhận và xử lý 860 hồ sơ, trong đó có 200 doanh nghiệp đăng ký mới, giảm 53,2% so với cùng kỳ năm 2013. Vốn đăng ký là 410.431 triệu đồng, giảm 19,04% so với cùng kỳ năm 2013. Thời gian xử lý bình quân 3,5 ngày/1 hồ sơ, rút ngắn hơn so với trước đây là nhờ áp dụng cơ chế một cửa liên thông giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục thuế tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh có 125 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, 104 doanh nghiệp giải thể, khoảng 400-500 doanh nghiệp không có doanh thu, cho thấy doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn rất nhiều khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu do tình hình kinh tế khó khăn, các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả.

Đã triển khai mở 02 lớp đào tạo Quản trị doanh nghiệp, bồi dưỡng kiến thức quản lý cho 106 lãnh đạo Doanh nghiệp.

7. Tài nguyên và môi trường

Trong 6 tháng đầu năm, đã cấp 38.099 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong đó, cấp cho tổ chức được 371 GCN/107 tổ chức, diện tích là 213,65ha; lũy kế đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã cấp được 7.657 GCN/7.998 hồ sơ cần cấp cho các tổ chức, đạt 95,74%; diện tích đã cấp là 127.103,7 ha/136.982,5 ha, đạt 92,8%. Đối với hộ gia đình, cá nhân đã cấp được 37.728 giấy chứng nhận QSD đất, đạt 69,22% so với kế hoạch; luỹ kế đến nay, toàn tỉnh cấp được 1.128.150 giấy/1.181.185 giấy, đạt 95,5%; diện tích đã cấp giấy là 232.955,34 ha/242.151,1 ha, đạt 96,2%.

Đã phê duyệt mức giá hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư trên địa bàn tỉnh năm 2014 tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 23/01/2014; ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển

[6] Trong KCN tỉnh có 2 dự án, với tổng vốn đăng ký là 32,5 tỷ đồng; ngoài các KCN có 02 dự án, tổng vốn đăng ký là 85,5 tỷ đồng.

kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Chỉ đạo việc xây dựng bảng giá các loại đất năm 2015 để áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2015 -2019) trên địa bàn tỉnh.

Đã cấp phép cho 9 mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp; quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 13 dự án, đạt 43,3% so kế hoạch tỉnh giao.

Tích cực chỉ đạo, điều động tăng cường cán bộ và đôn đốc các ngành, địa phương liên quan triển khai quyết liệt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng các dự án lớn, trọng điểm tại tỉnh như dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1, quốc lộ 24, đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; trong đó yêu cầu phải hoàn thành cơ bản công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và bàn giao cho chủ đầu tư, nhà đầu tư trước ngày 30/6/2014 để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng quốc lộ 1 theo đúng chỉ đạo của Trung ương.

8. Công tác dân tộc và miền núi

Tình hình an ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian qua được giữ ổn định, các địa phương đã tăng cường nắm chắc tình hình, quản lý chặt chẽ an ninh ở từng địa bàn, không để xảy ra tình trạng gây rối trật tự công cộng, không có hiện tượng khiếu kiện đông người.

Các công trình hạ tầng trên địa bàn miền núi tiếp tục được quan tâm đầu tư từ nhiều vốn vốn khác nhau; các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và nhiều chính sách xã hội khác được chú trọng thực hiện tốt, trong dịp Tết Nguyên đán 2014 đã hỗ trợ mua hàng tết cho 46.948 hộ và 178.788 khẩu là người dân tộc thiểu số ở vùng miền núi của tỉnh với tổng số tiền là 5.059,7064 triệu đồng. Từ đầu năm đến nay đã cấp phát 201.030 tờ báo, tạp chí thuộc 23 loại báo, tạp chí được cấp theo qui định cho các đơn vị, cá nhân được thụ hưởng.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Giáo dục và Đào tạo

Trong 6 tháng đầu năm, đã có thêm 02 trường mầm non, 5 trường tiểu học, 4 trường Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia. Lũy kế đến nay, có 33 trường mầm non, (15,31%); 132 trường tiểu học (60,55%); 92 trường THCS (55,09%); 16 trường THPT (41,02%) đạt chuẩn quốc gia; duy trì 100% số xã và 100% số huyện đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở và phổ cập tiểu học đúng độ tuổi; nâng tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi từ 57,61% trong năm 2013 lên 60,32% vào tháng 6/2014.

Tình trạng dạy thêm, học thêm sai quy định từng bước được khắc phục, bước đầu tạo nên dư luận tốt trong xã hội.

Tổ chức cho học sinh tham gia kỳ thi Olimpic Tiếng Anh trên Internet toàn quốc khối lớp 5, 9 và 11 đạt kết quả tốt [7]; tham dự liên hoan giáo viên giỏi toàn quốc tại Hà Nội đạt 2 giải Ba.

Tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT; kiểm tra, xử lý 32.589 hồ sơ đăng ký đại học, cao đẳng năm 2014.

2. Công tác Dân số, Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được quan tâm, chấn chỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám và điều trị bệnh cho nhân dân tỉnh nhà. Trong 6 tháng, tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát và có chuyển biến tốt hơn so với cùng kỳ năm trước. Đến giữa tháng 5/2014 đã ghi nhận 117 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng, 51 trường hợp mắc sốt xuất huyết; 104 trường hợp sốt phát ban nghi sởi. Đội ngũ y, bác sỹ đã tích cực trong công tác khám và điều trị, không để xảy ra trường hợp nào tử vong. Sau 01 năm không có ca tái phát, ngày 19/3/2014, các cơ sở y tế đã tiếp nhận một số trường hợp mắc bệnh Hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân, ngành Y tế đang tích cực điều trị và triển khai các nhóm biện pháp can thiệp tại cộng đồng.

Đã cấp 1 tấn chloramin B cho các đơn vị y tế dự phòng trên địa bàn tỉnh; tích cực tổ chức tiêm vắc xin sởi chống dịch cho trẻ em trong độ tuổi, tăng cường giám sát sốt phát ban nghi sởi tại cơ sở y tế và cộng đồng.

Thành lập 464 đoàn kiểm tra định kỳ và 130 đoàn liên ngành thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm và nhiều cuộc thanh tra đột xuất các cơ sở hành nghề y, dược, y học cổ truyền, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp vi phạm.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được triển khai đồng bộ ở hầu hết các địa phương. Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em luôn được chú trọng. Tiếp tục thực hiện điều động bác sĩ tăng cường về tuyến xã; đảm bảo 100% trạm y tế xã có bác sĩ hoạt động.

Chuẩn bị các điều kiện để đưa Bệnh viện Y học cổ truyền đi vào hoạt động. Đã khởi công xây dựng Bệnh viện sản nhi Quảng Ngãi, quy mô 300 giường.

Ban hành Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của UBND tỉnh Quy định Chính sách đãi ngộ đối với bác sĩ, dược sĩ đại học và những người có trình độ sau đại học chuyên ngành y dược đang công tác tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh. Kết quả bước đầu đã có 46 thạc sĩ, bác sĩ Y khoa tình nguyện về công tác, làm việc tại các cơ sở y tế trong tỉnh Quảng Ngãi.

3. Lao động, việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội

---

[7] Kết quả lớp 5: 02 Bạc, 02 Đồng; lớp 9: 01 Vàng, 03 Bạc; lớp 11: 06 Đồng.

Trong 6 tháng đầu năm, đã tổ chức được 09 phiên giao dịch việc làm, giới thiệu việc làm cho 14.200 lượt người; tổ chức cho 635 lao động đi làm việc ở nước ngoài, đạt 45,4% kế hoạch năm; giải quyết việc làm cho khoảng 18.300 lao động, đạt 49,5% so với kế hoạch; tỷ lệ lao động được đào tạo nghề ước đạt 38,5%; cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, ước lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng là 27%, nông lâm nghiệp là 49%, dịch vụ là 4%.

Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân theo qui định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP cho 7.305 người. Thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" theo qui định tại Nghị định số 56/2013/NĐ-CP cho 971 trường hợp. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Nước đã có Quyết định số 890/QĐ-CT ngày 24/4/2014 phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Mẹ Việt Nam anh hùng" cho 300 cá nhân và Quyết định số 891/QĐ-CT ngày 24/4/2014 truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Mẹ Việt Nam anh hùng" cho 409 cá nhân thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Các chương trình, chính sách cho đối tượng nghèo được triển khai thực hiện nghiêm túc; các đối tượng gặp khó khăn đột xuất do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai được quan tâm và có chính sách hỗ trợ kịp thời. Nhờ vậy, đời sống của đồng bào nghèo, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh từng bước được ổn định và nâng lên, công tác giảm nghèo tiếp tục phát huy hiệu quả.

Đã kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện xây dựng nhà ở cho đối tượng chính sách theo Quy định tại Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thời gian đến sẽ có giải pháp để xử lý triệt để các vướng mắc, bất cập.

4. Văn hóa, thể thao, du lịch

Đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao sôi nổi mừng Đảng, mừng Xuân Giáp Ngọ 2014 và phục vụ tốt nhiệm vụ tuyên truyền những ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh như 39 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, kỷ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ... Nhiều lễ hội truyền thống trong tỉnh được tổ chức, thu hút đông đảo nhân dân tham gia như: Lễ hội cầu ngư tại Bình Sơn, Lễ hội ra quân đánh bắt cá đầu năm tại các huyện ven biển, Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa tại huyện đảo Lý Sơn, Lễ hội Điện Trường Bà tại Trà Bồng.

Phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam tổ chức Hội thảo "Phạm Văn Đồng với văn hóa dân tộc" quy mô cấp tỉnh, thu hút nhiều giáo sư, học giả có tên tuổi trong nước tham gia; qua đó làm sáng tỏ thêm về nhân cách, nhà văn hóa, nhà ngoại giao xuất sắc và nhiều đóng góp to lớn của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Hoạt động thể dục, thể thao được tổ chức rộng khắp ở các xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Đã tổ chức thành công Đại hội TDTT tỉnh Quảng Ngãi lần

thứ V. Ngoài ra, phối hợp tổ chức thành công 03 giải thể dục thể thao cấp quốc gia. Các đội tuyển thể thao của tỉnh đã tham gia 08 giải thể thao cấp quốc gia, đạt 17 huy chương các loại; có 03 vận động viên khuyết tật thi đấu trong đội tuyển thể thao quốc gia tại Para Games 7 ở Myanmar đạt 06 huy chương.

Hoạt động du lịch có nhiều khởi sắc, đã tổ chức thành công lễ công bố đặc sản quế Trà Bồng xác lập kỷ lục châu Á; triển khai chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa 03 tỉnh Quảng Ngãi – Kon Tum – Bình Định. Doanh thu du lịch 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt 274,195 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước và đạt 54% so với kế hoạch. Tổng lượt khách đến Quảng Ngãi ước đạt 301.894 lượt người, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước và đạt 57% so với kế hoạch, trong đó khách quốc tế tăng 19%.

5. Khoa học và Công nghệ

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ tập trung hướng vào phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm, tiếp tục triển khai thực hiện 15 đề tài, dự án khoa học và công nghệ chuyển tiếp từ năm 2013; 02 dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi giai đoạn 2011-2015 do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền cho địa phương quản lý. Tổ chức nghiệm thu 04 đề tài khoa học; chuyển giao kết quả 01 đề tài sau nghiệm thu cho các cơ quan, đơn vị liên quan.

Đẩy mạnh các hoạt động giám sát và hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng sản phẩm. Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện kiểm tra, giám sát về đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa các mặt hàng cấp không thu tiền cho đồng bào các dân tộc miền núi nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2014. Tổ chức kiểm tra, bức niêm chì để sửa chữa cho 55 cột đo xăng dầu. Kiểm định 4.540 phương tiện đo các loại, kết quả có 448 phương tiện đo không đạt; thử nghiệm 302 mẫu các loại với 1.492 chỉ tiêu.

6. Thông tin - Truyền thông; phát thanh truyền hình

Đã ban hành Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí tại tỉnh Quảng Ngãi. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hướng dẫn tuyên truyền về chủ đề, nội dung trong các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm trong năm, các chính sách, chỉ đạo của tỉnh.

Hạ tầng viễn thông tiếp tục được quan tâm, dự án nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng tại Việt Nam đến nay đang tiến hành khảo sát, triển khai nội dung ứng dụng tại 32 điểm Bưu điện văn hóa xã trên địa bàn tỉnh; đang triển khai thực hiện đầu tư 04 đài truyền thanh cơ sở thuộc CTMTQG đưa thông tin về cơ sở.

Lĩnh vực bưu chính, chuyển phát trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định. Duy trì thường xuyên công tác đưa thông tin, báo chí, bưu phẩm đến cơ sở, có 100% số xã trên địa bàn tỉnh có thư báo đến trong ngày, Báo Quảng Ngãi được cung cấp đầy đủ về các điểm Bưu điện văn hóa xã để phục vụ người dân.

Tiếp tục vận hành Cổng, trang và cổng thành phần. Từ đầu năm đến ngày 20/5/2014 số lượng bài, tin được đăng tải trên Cổng là 1.102 bài với số lượng truy cập 1.870.900 lượt.

Lĩnh vực phát thanh, truyền hình có nhiều phóng sự, chuyên mục, chuyên đề hấp dẫn, đạt chất lượng; đưa tin và phản ảnh kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh; phục vụ tốt nhu cầu thông tin, giải trí của bạn nghe đài và bạn xem truyền hình; nhiều chuyên đề về xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư (PCI) được xây dựng công phu, có chất lượng ngày càng cao, góp phần quan trọng trong việc cải thiện chỉ số PCI của tỉnh.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH VÀ TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

1. Công tác Tư pháp

Công tác rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được chú trọng. Đã tổ chức rà soát, hệ thống hóa các văn bản do tỉnh Quảng Ngãi ban hành về lĩnh vực môi trường và về đấu giá tài sản, bán đấu giá quyền sử dụng đất do địa phương ban hành; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thời kỳ đầu tiên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Công tác theo dõi thi hành pháp luật dù mới được triển khai nhưng đã tập trung ngay vào vấn đề mang tính nổi cộm, bức xúc hiện nay; đã ban hành Kế hoạch số 1827/KH-UBND ngày 13/5/2014 theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2014 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức triển khai Hiến Pháp sửa đổi, bổ sung, Luật Đất đai năm 2013 và nhiều văn bản luật quan trọng khác.

Đã thực hiện trợ giúp pháp lý cho 856 trường hợp, trong đó có 82 trường hợp đại diện, bào chữa và 774 trường hợp tư vấn pháp luật; tổ chức 97 đợt trợ giúp pháp lý lưu động tại 11 huyện, trực tiếp tư vấn, giải đáp pháp luật hơn 800 vụ việc trên các lĩnh vực pháp luật được nhiều người dân quan tâm, góp phần giải tỏa những vướng mắc về pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, thực hiện đồng bộ, thống nhất, hạn chế tối đa sai sót về mặt chuyên môn, nghiệp vụ. Trong 6 tháng đầu năm, Phòng Công chứng số 1 đã thực hiện 1.880 hồ sơ, giao dịch các loại, thu lệ phí 803,162 triệu đồng, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2013.

Hoạt động bán đấu giá được tổ chức minh bạch, đúng quy định, đã thực hiện bán đấu giá 25 hợp đồng với tổng giá trị bán được là 16,61 tỷ đồng.

2. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Trong 6 tháng, thực hiện 46 cuộc thanh tra hành chính và 1.570 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; đã phát hiện tổng giá trị sai phạm là 11.746,11 triệu đồng; thu hồi ngân sách nhà nước 9.263,58 triệu đồng, xử lý khác 2.482,53 triệu đồng; xử phạt vi phạm hành chính 1.590,8 triệu đồng.

Tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn cơ bản được giữ ổn định, không có phát sinh đột biến, không phát sinh đoàn đông người ra Trung ương khiếu kiện. Các cơ quan hành chính trong tỉnh đã tiếp 1.107 lượt /1.269 người của 1.022 vụ việc, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó có 08 đoàn đông người. Tiếp nhận 1.636 đơn thư khiếu nại, tố cáo, giảm 1,52% so với cùng kỳ năm 2013; trong đó nội dung tập trung vào lĩnh vực đất đai chiếm 70%.

Tổng số vụ khiếu nại thuộc thẩm quyền các cấp là 122 vụ, đã giải quyết 75 đơn của 72 vụ, đạt 62,07%. Số vụ tố cáo thuộc thẩm quyền các cấp, các ngành là 18 đơn của 16 vụ, đã giải quyết 7 vụ, đạt 43,75%.

Đang thực hiện 09 cuộc thanh tra trách nhiệm về thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng tại 09 đơn vị.

3. Về công tác Ngoại vụ

Đã tổ chức thực hiện tốt công tác lễ tân ngoại giao, tiếp và làm việc với 05 Đoàn khách ngoại giao quốc tế; hướng dẫn, quản lý 53 đoàn khách nước ngoài với 267 lượt người đến thăm, làm việc, hoạt động nhân đạo, từ thiện và tác nghiệp báo chí. Tiếp nhận 29 chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau với tổng giá trị viện trợ đạt 60 tỷ đồng, tăng 2 lần so với cùng kỳ năm 2013. Phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức lớp Cập nhật kiến thức và nghiệp vụ đối ngoại năm 2014 tại Quảng Ngãi.

Công tác bảo vệ ngư dân và tàu thuyền được duy trì thường xuyên. Trong 6 tháng đầu năm, xảy ra các vụ với 6 tàu và 53 ngư dân của tỉnh bị bắt giữ, 15 tàu và 166 ngư dân bị Trung Quốc đâm va, truy đuổi, ngăn cản, đập phá, tịch thu tài sản khi đang hoạt động đánh bắt hợp pháp trong vùng biển thuộc chủ quyền của nước ta. Trước tình hình diễn ra phức tạp, tỉnh đã thực hiện thăm hỏi, động viên ngư dân tiếp tục bám biển; đồng thời chỉ đạo Sở Ngoại vụ, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan của Trung ương để tham mưu UBND tỉnh có giải pháp chỉ đạo kịp thời, nhằm bảo vệ tính mạng, tài sản của ngư dân và sự toàn vẹn chủ quyền biển đảo của tổ quốc.

4. Công tác tổ chức nhà nước

Đã ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, cải cách công vụ năm 2014; tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh về chấn chỉnh, kỷ luật kỹ cương hành chính.

Tổ chức công bố Nghị quyết số 123/NQ-CP ngày 12/12/2014 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính huyện Sơn Tịnh, huyện Tư Nghĩa để mở rộng địa giới hành chính thành phố Quảng Ngãi và thành lập phường

Trương Quang Trọng thuộc thành phố Quảng Ngãi; bảo đảm việc bàn giao, tiếp nhận các nội dung về điều chỉnh địa giới hành chính giữa các huyện và thành phố Quảng Ngãi diễn ra an toàn, nhanh chóng và đạt hiệu quả.

Đã chú trọng tuyển chọn, bổ nhiệm nhiều cán bộ trẻ, có năng lực giữ các chức danh lãnh đạo; thực hiện luân chuyển nhiều cán bộ thuộc diện quy hoạch để trau dồi thực tiễn, tạo nguồn cho các vị trí cao hơn; mạnh mẽ thay thế nhân sự lãnh đạo ở các vị trí không còn phù hợp, bố trí nhân sự mới để tạo sự chuyển biến và nâng cao hiệu quả, điều hành đối với hoạt động của ngành và địa phương.

Công tác quản lý nhà nước về thanh niên, pháp chế, tôn giáo, thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ luôn thực hiện kịp thời và đúng quy định pháp luật.

5. Quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội

Từ đầu tháng 5/2014 đến nay, tình hình biển Đông có phần diễn biến phức tạp do việc Trung Quốc ngang ngược đưa dàn khoan HD 981 vào vùng biển thuộc thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của nước ta. Tuy nhiên, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững. Công tác tuyển quân đợt 1/2014 diễn ra an toàn, đạt 100% kế hoạch đề ra; tổ chức tốt Hội nghị quân chính; Hội nghị triển khai công tác giáo dục Quốc phòng – An ninh năm 2014.

Tai nạn giao thông đường bộ được kiềm chế, giảm trên cả 03 tiêu chí, số vụ, số người chết, số người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, tai nạn giao thông đã xảy ra 68 vụ (giảm 13 vụ), chết 65 người (giảm 16 người), bị thương 37 người (giảm 09 người).

Tình hình cháy, nổ diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ cao. Đã xảy ra 24 vụ cháy (tăng 04 vụ), thiệt hại tài sản ước tính khoảng 4,8 tỷ đồng; xảy ra 02 vụ nổ (tăng 02), chết 01 người, bị thương 06 người. Tội phạm về ma túy tuy giảm nhưng vẫn diễn biến phức tạp; phát hiện 18 vụ phạm tội về ma tuý (giảm 02 vụ), bắt, xử lý 31 đối tượng (tăng 05 đối tượng).

B. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về lĩnh vực kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế của tỉnh phụ thuộc vào hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

- Phân bổ nguồn lực đầu tư chưa hài hòa, cân đối giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội; chưa ưu tiên đúng mức cho các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm.

- Công tác xúc tiến đầu tư còn nhiều khó khăn.

- Việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa ở các địa phương còn chậm, mang tính chất tự phát, chưa có kế hoạch chuyển đổi từ đầu

vụ. Giá cả vật tư nông nghiệp, giống cây trồng luôn biến động; thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định, ảnh hưởng đến thu nhập của bà con nông dân trong tỉnh. Ô nhiễm môi trường vùng nuôi tôm chưa được giải quyết, dịch bệnh trên tôm nuôi vẫn còn kéo dài và lây lan.

- Các Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn; lãi suất tín dụng tuy có giảm, nhưng tiếp cận vốn còn khó; tiến độ thực hiện nhiều dự án đầu tư của Doanh nghiệp chậm, hầu hết các dự án bất động sản dừng triển khai, làm chậm tốc độ đô thị hóa của tỉnh.

- Việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ chưa hoàn thành; còn một số dự án, công trình nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa triển khai thực hiện, thực hiện chậm tiến độ, sử dụng không hiệu quả chưa được kiểm soát chặt chẽ.

- Công tác quản lý đầu tư đã được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo nhưng đến nay giá trị giải ngân vẫn đạt thấp (44,2%); một số dự án vướng đền bù, giải phóng mặt bằng nên tiến độ thực hiện chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các ngành, các địa phương tích cực triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng các dự án giao thông trên địa bàn tỉnh nhưng tiến độ vẫn chưa đạt theo yêu cầu, phần nào đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1, dự án quốc lộ 24 qua địa bàn tỉnh.

2. Lĩnh vực xã hội

- Tình trạng học sinh bỏ học ở các cấp vẫn còn cao. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia các cấp học triển khai chậm. Dù đã được tăng cường đầu tư cơ sở vật chất song một số trường lớp học đã xuống cấp, thiếu các điều kiện để đảm bảo các hoạt động giáo dục.

- Số lượng và chất lượng dịch vụ kỹ thuật khám, chữa bệnh tuy có cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng so với nhu cầu của nhân dân, nhất là cơ sở y tế tuyến huyện miền núi. Có tình trạng bác sĩ trong tỉnh bỏ việc.

- Số lao động được giải quyết việc làm còn thấp so với nhu cầu. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề của các trường dạy nghề thuộc tỉnh quản lý còn nhiều hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề còn thiếu, nhất là đào tạo nghề kỹ thuật chất lượng cao.

- Công tác đào tạo nghề để cung ứng lao động cho các dự án lớn, việc giải quyết các vướng mắc tại các khu tái định cư chưa được quan tâm đúng mức.

- Thị trường khoa học - công nghệ phát triển chậm, hoạt động chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách Nhà nước; tính khả thi một số đề tài thấp, một số đề tài đã ứng dụng nhưng hiệu quả chưa cao.

- Tình hình ngư dân, tàu thuyền của tỉnh đi đánh bắt xa bờ bị nước ngoài bắt giữ, xua đuổi ngày càng gia tăng ảnh hưởng đến đời sống ngư dân trong tỉnh.

3. Lĩnh vực nội chính và an ninh quốc phòng

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp, các ngành chưa quyết liệt, còn chủ quan; công tác kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên; phân công nhiệm vụ có lúc chưa rõ ràng.

- Chất lượng các cuộc thanh tra không đồng đều, một số cuộc thanh tra có chất lượng thấp, việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu chỉ dừng ở mức kiểm điểm rút kinh nghiệm; một số kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra để kéo dài, chưa xử lý dứt điểm; việc đôn đốc, xử lý sau thanh tra tuy đã được tích cực thực hiện nhưng còn chậm chuyển biến và còn tồn đọng.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính có nơi chưa nghiêm, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao.

- Tình hình cháy, nổ diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ cao. Tội phạm về ma túy tuy giảm nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp.

Tóm lại: *Trong 6 tháng đầu năm 2014, kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực. Giá trị sản xuất ngoài dầu tăng cao; chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt; doanh thu vận tải tăng mạnh; sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng khá; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng khá; tín dụng ngân hàng ổn định, nợ xấu giảm; tình trạng dạy thêm, học thêm từng bước được khắc phục; xuất khẩu lao động có nhiều chuyển biến tích cực; đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ sôi nổi; doanh thu du lịch tăng; công tác an sinh xã hội được thực hiện tốt; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.*

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm vẫn còn những hạn chế nhất định; giá trị xuất khẩu giảm; vốn đầu tư giải ngân thấp, tiến độ thực hiện các dự án còn chậm, vướng đền bù giải phóng mặt bằng;tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng và thực sự có chuyển biến tích cực trong tháng 5, tháng 6, song tiến độ vẫn chậm so với yêu cầu của Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1, quốc lộ 24; thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước giảm mạnh; sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải giải thể hoặc xin tạm ngừng hoạt động; chương trình xây dựng nông thôn mới thực hiện còn chậm; bệnh viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân ở người tái phát trở lại.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2014

Phát huy kết quả đã đạt được, trong thời gian còn lại của 6 tháng cuối năm 2014 tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được xác

định tại Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI - kỳ họp thứ 10 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014, Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014; tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp để thực hiện đạt kết quả 03 nhiệm vụ đột phá và 02 nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, trong đó chú trọng các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

I. VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu phát triển năm 2014; đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐH đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII

Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thực hiện rà soát tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển 2014 liên quan đến ngành, địa phương mình; có giải pháp kiểm tra, đôn đốc, thực hiện trong 6 tháng cuối năm để bảo đảm thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu phát triển đề ra trong năm.

Rà soát, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 2946-CV/TU ngày 05/6/2014; phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra, đối với các chỉ tiêu có khả năng không đạt kế hoạch thì có giải pháp để phấn đấu đạt ở mức cao nhất có thể.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020; tiến hành rà soát, kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố.

Tích cực phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành trung ương sớm hoàn chỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cơ chế đặc thù phát triển đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tập trung chỉ đạo sản xuất đối với các ngành kinh tế

a. Sản xuất công nghiệp

Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm hoàn thành chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp năm 2014. Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án VSIP; tích cực phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan trung ương liên quan xúc tiến dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; dự án nhà máy nhiệt điện Dung Quất và các dự án lớn khác.

Có kế hoạch bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh tiến độ xây dựng các công trình, từng bước hoàn thiện hạ tầng trong Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh.

Bố trí vốn và nguồn lực để tạo các quỹ đất sạch, chuẩn bị sẵn sàng để phục vụ các dự án đầu tư lớn, đặc biệt là dự án Nhà máy nhiệt điện Dung Quất và nhà máy lọc dầu Dung Quất mở rộng.

b. Thương mại, dịch vụ

Phát triển thương mại nội địa, quan tâm đến thị trường nông thôn, miền núi gắn với thực hiện tốt cuộc vận động *"Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*. Tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các hoạt động xúc tiến thương mại, ứng dụng mạnh mẽ thương mại điện tử nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm thế mạnh của tỉnh đến thị trường trong và ngoài nước; khai thác hiệu quả thị trường xuất khẩu truyền thống, đồng thời chủ động và tích cực mở rộng thị trường xuất khẩu mới, tránh việc quá lệ thuộc vào một thị trường dẫn đến dễ bất ổn về đầu ra.

Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; chủ động điều hành giá cả và quản lý thị thường. Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại, xâm phạm quyền lợi của người tiêu dùng.

Tập trung chỉ đạo việc khẩn trương hoàn thành các thủ tục để khởi công (động thổ) việc xây dựng chợ (mới) Quảng Ngãi (thay chợ bị cháy).

c. Nông, lâm nghiệp và thủy sản; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Tập trung phòng chống phòng chống hạn, đảm bảo nguồn nước tưới cho vụ lúa Hè Thu và các loại cây trồng khác. Thực hiện tốt chính sách "dồn điền, đổi thửa", cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, quy mô lớn.

Tiếp tục rà soát quy hoạch, kiểm tra tình hình sử dụng đất lâm nghiệp và đất rừng phòng hộ. Tăng cường công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng, phát triển trồng rừng kinh tế, phòng chống cháy rừng.

Triển khai thực hiện chương trình phát triển thủy sản, gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo; trong đó tập trung huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ ngư dân đóng tàu có công suất lớn, tàu vỏ sắt phục vụ đánh bắt xa bờ; hỗ trợ kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả nuôi trồng thủy sản; quan tâm mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả chế biến, xuất khẩu thủy sản.

Tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành dứt điểm quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết và lập đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã; tăng cường bố trí vốn thực hiện Chương trình cho các xã có khả năng đạt tiêu chí nông thôn mới vào năm 2015.

3. Thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển đô thị

Huy động, tập trung nguồn lực để xây dựng thành phố Quảng Ngãi mở rộng và đô thị mới huyện Sơn Tịnh theo Nghị quyết số 123/NQ-CP ngày 12/12/2013 của Chính phủ.

Tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án bất động sản từng bước thoát khỏi tình trạng đóng băng hiện nay; khẩn trương giải quyết việc cho phép phân lô bán đất nền theo quy định của Chính phủ tại Nghị định 11/2013/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án bờ Nam sông Trà Khúc, Đoạn Mỹ Khê-Trà Khúc, phối hợp đẩy nhanh tiến độ dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP, các dự án phát triển đô thị ở các huyện, thành phố.

4. Về quản lý đầu tư, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản

Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh việc giải ngân các dự án đã được bố trí kế hoạch trả nợ quyết toán, trả nợ công trình hoàn thành; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2014, nhất là các dự án chậm tiến độ đã gia hạn thời gian đến năm 2014; khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với các dự án khởi công mới để tiến hành khởi công dự án, giải ngân vốn được giao.

Rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương và trình Trung ương điều chỉnh vốn hỗ trợ mục tiêu để đảm bảo giải ngân hoàn thành kế hoạch vốn năm 2014.

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1, xây dựng các khu tái định cư nhằm tạo điều kiện thuận lợi triển khai đảm bảo tiến độ các dự án như: Nâng cấp mở rộng QL 1, Đường cao tốc Quảng Ngãi – Đà Nẵng, Cấp điện bằng cáp ngầm cho huyện đảo Lý Sơn.

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương.

Xây dựng cơ cấu đầu tư và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015, trong đó có sự tập trung ưu tiên bố trí vốn cho việc thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá, 02 nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và đầu tư đối với lĩnh vực văn hóa, xã hội, nhất là đối với ngành giáo dục và y tế.

5. Về công tác thu chi ngân sách

Triển khai đồng bộ các giải pháp để khai thác nguồn thu từ đất; các biện pháp thu thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, phấn đấu tăng thu để thực hiện vượt dự toán thu ngân sách năm 2014; tăng cường giải ngân vốn xây dựng cơ bản, đảm bảo chi trả các chế độ, chính sách an sinh xã hội; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách và có giải pháp tiết kiệm chi để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước.

6. Hỗ trợ Doanh nghiệp; tăng cường xúc tiến đầu tư; phấn đấu duy trì chỉ số PCI ở thứ hạng cao

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2015; tổ chức đối thoại để kịp thời tháo gỡ những khó khăn cho Doanh nghiệp, nhất là các Doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản.

Đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư tại các nước, nhất là Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ (ưu tiên dịch vụ hậu cần nghề cá) vào Khu Kinh tế Dung Quất, các KCN tỉnh và các nơi khác có điều kiện; tiếp tục quảng bá, thông tin kịp thời, chính xác nhằm giới thiệu tiềm năng, lợi thế của môi trường đầu tư Quảng Ngãi đến các nhà đầu tư, hướng vào các đối tác chiến lược, ngành nghề thu hút trọng điểm, thế mạnh của Quảng Ngãi; làm cho nhà đầu tư an tâm, tin tưởng vào hiệu quả kinh doanh khi đầu tư vào tỉnh.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp theo kết luận và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị bàn các giải pháp cải thiện chỉ số PCI tỉnh Quảng Ngãi (Thông báo số 122/TB-UBND ngày 19/5/2014), nhằm mục tiêu giữ thứ hạng và tiếp tục cải thiện chỉ số PCI trong năm 2014 và những năm tiếp theo; phối hợp với Công ty VSIP tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư vào tỉnh (tại Hà Nội).

7. Công tác quản lý ngành xây dựng; tài nguyên và môi trường

Tổ chức kiểm tra công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tập trung kiểm tra, rà soát và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ quan nhà nước và hợp tác xã để quản lý theo quy định.

Xây dựng giá các loại đất giai đoạn 2015-2019 trên địa bàn tỉnh theo Luật đất đai sửa đổi có hiệu lực từ ngày 01/7/2014.

Ban hành Quy hoạch sử dụng đất đối với lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc để để hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1, quốc lộ 24, đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi.

Tiếp tục quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên; nâng cao hiệu quả công tác đánh giá báo cáo tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp có khả năng ảnh hưởng đến môi trường cao.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu; tranh thủ các nguồn vốn để thực hiện dự án thuộc Chương trình ứng phó và biến đổi khí hậu. Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch phòng, chống thiên tai mùa mưa, lũ.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI

1. Chuẩn bị chu đáo các nội dung liên quan để tổ chức tốt công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng tại tỉnh.

Khắc phục tình trạng học sinh bỏ học, nhất là học sinh ở các huyện miền núi; đảm bảo tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở các cấp học, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Tiếp tục đẩy mạnh kiểm tra, chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm.

Ban hành và triển khai có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Đề án đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Tăng cường công tác giám sát dịch tễ, phát hiện sớm ca bệnh và duy trì các hoạt động vệ sinh môi trường; thu dung, chăm sóc theo dõi điều trị tích cực nhằm giảm số trường hợp mắc và tử vong của Hội chứng viêm da dày sừng bàn tay bàn chân ở huyện Ba Tơ và Sơn Hà.

Thanh tra, kiểm tra nhằm xử lý các hoạt động liên quan đến công tác khám chữa bệnh; xử lý nghiêm khắc các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ người bệnh.

Tiếp tục tăng cường luân chuyển bác sỹ về công tác tại trạm y tế xã. Tích cực thu hút bác sỹ, dược sỹ có trình độ đại học, trên đại học về công tác tại tỉnh. Tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y tế tư nhân.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi và các Bệnh viện, cơ sở y tế công lập của tỉnh.

Hoàn thành đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa Đặng Thùy Trâm, Bệnh viện Đa khoa huyện Mộ Đức, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh; 04 trạm y tế xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ, Phổ Thạnh và thị trấn Chợ Chùa; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Bệnh viện Sản - Nhi Quảng Ngãi.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư"; xây dựng gia đình, khu dân cư, xã phường, thị trấn, cơ quan văn hóa.

Tổ chức kỷ niệm 25 năm ngày tái lập tỉnh; tưởng niệm 150 năm ngày anh hùng dân tộc Trương Định tuẫn tiết; Hội thảo Quốc tế "Quân tình nguyện Việt Nam ở Nam Trung Bộ làm nhiệm vụ quốc tế tại Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia – Vai trò và ý nghĩa lịch sử".

Tham gia thi đấu 17 giải thể thao trong chương trình Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VII tổ chức tại Nam Định; tổ chức giải thi đấu giải Futsal tỉnh Quảng Ngãi...

Tiếp tục đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển du lịch của tỉnh, đồng thời đẩy mạnh khai thác một số điểm tham quan du lịch như: Mỹ Khê, Sa

Huỳnh, Khu chứng tích Sơn Mỹ, di tích bệnh xá Đặng Thùy Trâm, đảo Lý Sơn...

4. Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; nâng cao hiệu quả tổ chức các sàn giao dịch việc làm tại các huyện, thành phố.

Đổi mới xuất khẩu lao động, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, hướng đến những thị trường có thu nhập cao.

Tổ chức lễ trao tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Mẹ Việt Nam Anh Hùng theo Quyết định của Chủ tịch Nước.

5. Tăng cường quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, quản lý tiêu chuẩn đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Hướng dẫn các cơ sở, doanh nghiệp trong tỉnh xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp.

Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; nhân rộng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ có hiệu quả cao.

6. Tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số lần thứ II.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH, TỔ CHỨC, QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Tập trung giải quyết và xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu nại tồn đọng, phức tạp, kéo dài, gây bức xúc; kịp thời giải quyết các vụ việc khiếu nại mới phát sinh. Phấn đấu tăng tỷ lệ giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân đạt yêu cầu do Chính phủ đề ra.

Tiếp tục chỉ đạo công tác thanh tra công vụ, thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị đối với việc giải quyết các công việc liên quan đến doanh nghiệp, tổ chức và công dân; thanh tra việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Tiếp tục thực hiện nghiêm và có hiệu quả Chỉ thị 17-CT/TU ngày 16/11/2012 của Tỉnh ủy và Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh về một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 31-CT/BTV ngày 13/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương không dùng bia, rượu trong buổi trưa của các ngày làm việc.

Thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích người có trình độ cao, nhất là chính sách đối với bác sỹ, dược sỹ, sinh viên tốt nghiệp đại học về cơ sở và nhân lực có trình độ cao về công tác tại tỉnh. Tiếp tục rà soát, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ có năng lực, triển vọng và có kế hoạch bố trí, sử dụng cán bộ một cách phù hợp, tạo điều kiện để cán bộ làm việc đúng chuyên môn, sở

trường, phát huy kiến thức, kỹ năng được đào tạo để góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị công tác.

Kiện toàn các chức danh lãnh đạo, quản lý; xây dựng quy chế tổ chức thi tuyển các chức danh lãnh đạo, trưởng phó phòng.

Tăng cường đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính công, nhất là trong lĩnh vực chứng thực, cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... để cải thiện thứ hạng chỉ số PAPI của tỉnh.

3. Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; nắm tin tức, kiểm soát làm trong sạch địa bàn, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phấn đấu giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí: số vụ, số người chết và số người bị thương; tăng cường tuần tra, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông gắn với đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật an toàn giao thông đối với người dân.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ngãi hoàn chỉnh và kính báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh tình hình kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2014./.

Nơi nhận:
- Tỉnh ủy Quảng Ngãi (báo cáo);
- HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- VPTU, các Ban Đảng Tỉnh ủy,
- VP, các Ban HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TƯ đóng trên địa bàn;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: C, PCVP, các P. N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTH. Vy303.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

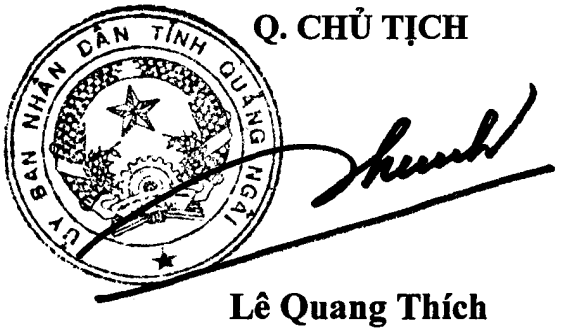

Lê Quang Thích

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Biểu kèm theo Báo cáo số 121 /BC-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU									
I.	Các chỉ tiêu tổng hợp									
1	Tổng sản phẩm (GDP) trên địa bàn (theo giá so sánh 1994)	Tỷ đồng	10.709,76	5.548,59	11.275,28	11.164,77	5.393,80	97,2	48,3	
	Trg đó: GDP không tính SP Lọc hóa dầu	"	7.465,19	3.659,82	7.478,36	8.123,90	3.961,12	108,2	48,8	
	- Công nghiệp và xây dựng	"	*5.424,71*	*3.193,20*	*5.984,05*	*5.362,44*	*2.817,11*	88,2	52,5	
	Trg đó: + GDP riêng ngành công nghiệp	"	4.832,18	2.923,68	5.391,50	4.769,52	2.550,03	87,2	53,5	
	+ GDP ngành xây dựng	"		269,51	592,55	592,92	267,09	99,1	45,0	
	+ GDP riêng SP lọc hóa dầu	"	3.244,57	1.888,77	3.796,93	3.040,88	1.432,67	75,9	47,1	
	+ GDP CN không tính SP lọc hóa dầu	"	1.587,61	1.034,91	1.594,57	1.728,64	1.117,36	108,0	64,6	
	+ GDP CN-XD không tính SP dầu	"	2.180,14	1.304,42	2.187,12	2.321,56	1.384,44	106,1	59,6	
	- Dịch vụ	"	*3.391,14*	*1.512,22*	*3.391,35*	*3.815,27*	*1.684,42*	111,4	44,1	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	*1.893,92*	*843,18*	*1.899,89*	*1.987,06*	*892,26*	105,8	44,9	
	+ Tốc độ tăng trưởng chung nền kinh tế	%	7,5 - 8,5		12,8	*0 - 1*	(2,8)			
	+ Tốc độ tăng trưởng không tính sản phẩm lọc hóa dầu	%	9 - 10		10,0	*8 - 9*	8,2			
2	Giá trị sản xuất (giá so sánh năm 1994)	Tỷ đồng	30.241,25	15.941,57	32.803,66	30.675,66	14.476,30	90,8	47,2	
	- Công nghiệp, xây dựng	"	*21.997,95*	*12.410,64*	*24.491,53*	*21.592,45*	*10.610,35*	85,5	49,1	
	Trong đó: + Công nghiệp	"	19.762,00	11.360,43	22.254,08	19.355,00	9.569,61	84,2	49,4	
	+ Xây dựng	"	2.235,95	1.050,21	2.237,45	2.237,45	1.040,74	99,1	46,5	
	+ Riêng sản phẩm lọc hóa dầu	"	14.407,50	8.394,54	16.875,23	13.515,00	6.367,44	75,9	47,1	
	+ CN không tính SP lọc hóa dầu	"	5.354,50	2.965,89	5.378,85	5.840,00	3.202,17	108,0	54,8	
	+ CN-XD không tính SP dầu	"	7.590,45	4.016,10	7.616,30	8.077,45	4.242,91	105,6	52,5	
	- Dịch vụ	"	*5.153,70*	*2.186,56*	*5.154,50*	*5.798,81*	*2.445,21*	111,8	42,2	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	*3.089,60*	*1.344,37*	*3.157,62*	*3.284,40*	*1.420,74*	105,7	43,3	
	Trong đó: + Nông nghiệp	"	1.892,30	724,85	1.880,05	1.930,13	746,70	103,0	38,7	
	Trong đó: Trồng trọt	"	1.170,00	429,40	1.167,13		444,12	103,4		

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
	Chăn nuôi	"	567,30	239,59	556,17		245,33	102,4		
	+ Lâm nghiệp	"	158,00	81,54	195,94	194,11	105,81	129,8	54,5	
	+ Thủy sản	"	1.039,30	537,98	1.081,63	1.160,16	568,24	105,6	49,0	
5	**Tổng vốn đầu tư toàn phát triển trên địa bàn**	**Tỷ đồng**	**11.550**	**5.661**	**11.548**	**12.000**	**5.891**	**104,1**	**49,1**	
	Trong đó: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu USD	97,0	16,2	24,53	63	22,0	136,0	34,9	
6	**Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**	Tỷ đồng	**21.881,50**	**12.342,99**	**30.199,00**	**25.225,10**	**16.194,00**	**131,2**	**64,2**	
	Trong đó: Thu không tính thu từ NM lọc dầu	"	**5.521,50**	**2.993,12**	**3.151,00**	**5.805,10**	**2.244,00**	**125,9**	**38,7**	
a)	**Thu cân đối ngân sách trên địa bàn**	"	**21.481,50**	**12.144,27**	**29.833,00**	**24.820,00**	**15.994,00**	**131,7**	**64,4**	
	Trong đó: - Thu nội địa	"	18.751,50	10.631,47	27.112,00	22.170,00	14.799,00	139,2	66,8	
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	"	2.730,00	1.351,62	2.877,00	2.650,00	542,00	40,1	20,5	
	- Thu từ sản phẩm lọc hóa dầu	"	16.360,00	9.349,87		19.420,00	13.950,00	149,2	71,8	
	- Thu không tính SP lọc hóa dầu	"	5.521,50	2.794,40		5.400,00	2.044,00	142,2	37,9	
b)	**Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước**	"	**400,00**	**200,00**	**366,00**	**405,10**	**200,00**	**100,0**	**49,4**	
7	**Chi ngân sách địa phương**	Tỷ đồng	**7.208,51**		**9.050,00**	**8.103,84**	**4.515,77**		**55,7**	
a)	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	"	**6.808,51**	**4.061,18**	**8.684,00**	**7.698,74**	**4.365,77**	**107,5**	**56,7**	
*	***Chi đầu tư phát triển***	*Tỷ đồng*	***1.791,27***	***1.792,39***	***2.652,00***	***2.043,94***	***1.036,00***	**57,8**	**50,7**	
	- Vốn cân đối NS địa phương	"	753,75	753,27		760,25	461,00	61,2	60,6	
	- Hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương	"	784,32	783,78		995,49	435,00	55,5	43,7	
	- Vốn thu từ nguồn sử dụng đất	"	242,20	242,21		281,20	140,00	57,8	49,8	
	- Bổ sung các quỹ ngoài ngân sách	"	11,00			*7.000,00*				
*	***Chi thường xuyên***	*Tỷ đồng*	***4.599,93***	***2.266,84***	***6.356,00***	***4.920,40***	***2.693,00***	**118,8**	**54,7**	
	- Chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo	"	1.921,80	906,68	2.310,00	2.123,78	1.127,00	124,3	53,1	
	- Chi cho sự nghiệp y tế	"	574,36	224,97	841,00	459,05	218,00	96,9	47,5	
	- Chi cho sự nghiệp khoa học công nghệ	"	28,40	15,99		29,38	17,00	106,3	57,9	
	- Chi cho quản lý hành chính nhà nước	"	905,33	582,75	1.379,00	1.087,53	743,00	127,5	68,3	
b)	**Chi từ các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách**	"	**400,00**		**366,10**	**405,10**	**150,00**		**37,0**	
II.	**Các ngành và lĩnh vực kinh tế**									
1.	**Nông, lâm nghiệp và thủy sản**									
a)	***Nông nghiệp***									

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	462.836	245.755	468.555	473.594	247.768	100,8	52,3	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	407.536	220.994	412.322	417.051	221.543	100,2	53,1	
	+ Ngô	Tấn	55.300	24.761	56.233	56.543	26.225	105,9	46,4	
	- Sản lượng lương thực bình quân đầu người	Kg/người	376,3		379,0	381,9				
	- Một số cây trồng chủ yếu									
	+ Lúa: Diện tích	Ha	73.394	38.859	74.804	74.322	38.533	99,2	51,8	
	Năng suất	Tạ/ha	55,5	56,9	55,1	56,1	57,5	101,1	102,5	
	Sản lượng	Tấn	407.536	220.994	412.322	417.051	221.543	100,2	53,1	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	10.600	4.547	10.613	10.670	4.765	104,8	44,7	
	Năng suất	Tạ/ha	52,2	54,5	53,0	53,0	55,0	101,1	103,8	
	Sản lượng	Tấn	55.300	24.761	56.233	56.543	26.225	105,9	46,4	
	+ Sắn: Diện tích	Ha	19.500	15.350	21.505	20.500	18.700	121,8	91,2	
	Năng suất	Tạ/ha	182,0	170,5	181,9	185,5	170,5	100,0	91,9	
	Sản lượng	Tấn	354.900	261.727	391.090	380.275	318.835	121,8	83,8	
	+ Mía cây: Diện tích	Ha	5.700	4.513	5.277	5.400	5.040	111,7	93,3	
	Năng suất	Tạ/ha	540,0	500,0	583,3	620,0	496,0	99,2	80,0	
	Sản lượng	Tấn	307.800	225.675	307.760	334.800	250.000	110,8	74,7	
	+ Lạc: Diện tích	Ha	5.847	4.249	5.851	5.900	4.187	98,5	71,0	
	Năng suất	Tạ/ha	21,0	22,2	21,8	22,0	21,7	97,6	98,5	
	Sản lượng	Tấn	12.274	9.435	12.770	12.987	9.072	96,2	69,9	
	+ Đậu: Diện tích	Ha	3.458	1.573	3.339	3.325	1.643	104,4	49,4	
	Năng suất	Tạ/ha	18,9	19,4	19,1	19,2	19,3	99,3	100,4	
	Sản lượng	Tấn	6.543	3.054	6.373	6.396	3.165	103,6	49,5	
	+ Rau: Diện tích	Ha	13.558	5.978	12.669	13.000	6.304	105,5	48,5	
	Năng suất	Tạ/ha	155,3	162,7	158,9	159,0	162,4	99,8	102,1	
	Sản lượng	Tấn	210.588	97.262	201.360	206.650	102.372	105,3	49,5	
	- Đàn gia súc:									
	+ Đàn trâu	Con	64.000	59.297	61.503	61.000	61.971	104,5	101,6	
	+ Đàn bò	Con	280.000	273.809	273.864	280.000	274.318	100,2	98,0	
	Tỷ trọng bò lai	%	48,5	52,3	54,9	54,0	55,5	106,2	102,8	
	+ Đàn heo	Con	500.000	469.644	464.702	490.000	443.176	94,4	90,4	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
	+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	64.500	34.180	65.152	65.300	36.054	105,5	55,2	
b)	***Lâm nghiệp***									
	- Tổng diện tích rừng hiện có	Ha	266.368	261.617	277.860	270.256	277.859	106,2	102,8	
	Trong đó: + Rừng tự nhiên	"	113.817	110.446	109.878	112.056	109.878	99,5	98,1	
	+ Rừng trồng	"	152.551	151.171	167.982	158.200	167.981	111,1	106,2	
	- Quản lý bảo vệ rừng	"	119.300	99.172	119.300	126.300	112.179	113,1	88,8	
	- Khoanh nuôi tái sinh rừng	"	2.000	1.100	2.012	3.000	1.200	109,1	40,0	
	- Trồng mới rừng tập trung	"	6.057	2.520	7.000	8.300	2.936	116,5	35,4	
	- Gỗ rừng trồng khai thác (gỗ tròn)	m^3	250.000	210.000	350.000	350.000	296.167	141,0	84,6	
c)	***Thuỷ sản***	Tấn	136.000	68.226	146.535	148.800	72.481	106,2	48,7	
	- Sản lượng thuỷ sản đánh bắt	Tấn	129.100	65.304	140.043	142.150	70.253	107,6	49,4	
	- Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng	Tấn	6.900	2.922	6.492	6.650	2.228	76,3	33,5	
	Trong đó: Tôm nuôi	Tấn	5.500	2.307	4.931	5.200	1.854	80,4	35,7	
	- Diện tích nuôi trồng	Ha	1.411	1.350	1.365	1.400	1.208	89,5	86,3	
	Trong đó: Tôm nuôi	Ha	620	549	615	600	458	83,4	76,3	
d)	***Muối:***									
	- Diện tích	Ha	135	135	135	135	135	100,0	100,0	
	- Sản lượng	Tấn	9.720	1.000	8.500	8.500	1.000	100,0	11,8	
đ)	***Thủy lợi***									
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	72.650	38.860	72.650	74.322	38.532	99,2	51,8	
	Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố	"	58.851	33.518	67.212	67.212	33.518	100,0	49,9	
2.	**Công nghiệp**									
	- Thuỷ sản chế biến	Tấn	9.200	4.451	9.200	9.200	4.681	105,2	50,9	
	- Đường RS (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	21.000	27.388	30.348	27.400	21.307	77,8	77,8	
	- Bánh kẹo các loại	Tấn	10.000	6.073	11.860	11.000	6.834	112,5	62,1	
	- Sữa các loại	1000 lít	130.000	69.940	138.116	140.000	79.474	113,6	56,8	
	- Bia	1000 lít	150.000	76.569	157.180	160.000	84.977	111,0	53,1	
	- Nước khoáng	1000 lít	60.000	28.238	58.951	61.000	30.355	107,5	49,8	
	- Lọc hóa dầu	Triệu tấn	5,650	3,292	6,618	5,30	2,497	75,9	47,1	
	- Sản phẩm BioEthanon	1000 lít	700		57.680	51.000				

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
	- Phân bón hóa học	Tấn	35.000	18.640	31.700	37.000	20.148	108,1	54,5	
	- Gạch nung các loại	1000 viên	400.000	168.507	353.700	400.000	169.442	100,6	42,4	
	- Đá xây dựng các loại	1000m^3	1.283,0	548,5	1.215,5	1.350	524,2	95,6	38,8	
	-Tinh bột mỳ (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	80.000	34.078	80.656	70.000	22.984	67,4	32,8	
	- Nước mắm	1000 lít	6.700	3.239	6.700	3.397	3.397	104,9	100,0	
	- Quần áo may sẵn	1000 chiếc	8.200	3.912	8.200	9.000	3.938	100,7	43,8	
	- Nước máy	1000m3	12.500	5.748	13.399	13.000	5.204	90,5	40,0	
	- Dăm bột giấy	Tấn	340.000	150.326	340.000	350.000	100.937	67,1	28,8	
3	**Thương mại dịch vụ**									
a)	**Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ** (giá H.hành)	Tỷ đồng	**29.800,00**	**14.697,49**	**29.829,70**	**33.674,00**	**16.641,39**	**113,2**	**49,4**	
b)	**Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn**	Triệu USD	**375,00**	**316,00**	**508,80**	**475,00**	**303,54**	**96,1**	**63,9**	
	Một số sản phẩm XK chủ yếu:									
	+ Thủy sản	"	4,80	4,08	10,32	9,00	5,35	131,0	59,4	
	+ Tinh bột mỳ	"	62,00	29,62	54,81	41,00	23,13	78,1	56,4	
	+ Đồ gỗ	"	3,20	1,80	3,44	3,00	2,48	137,5	82,7	
	+ Nguyên liệu giấy	"	52,00	26,67	58,78	50,00	42,46	159,2	84,9	
	+ May mặc	"	7,90	6,32	14,36	14,00	11,13	176,1	79,5	
	+ Hàng thực phẩm chế biến	"	4,80	1,34		3,00	1,35	100,7	44,9	
	+ Sản phẩm cơ khí	"	200,00	199,58	267,04	285,00	144,83	72,6	50,8	
	+ PolyPropylen	"	12,00	3,45			5,48	158,8	-	
	+ Dầu FO	"	27,00	35,16	71,44	45,00	50,08	142,4	111,3	
c)	**Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn**	Triệu USD	**1.071,00**	**471,80**	**1.150,77**	**760,00**	**160,29**	**34,0**	**21,1**	
	Một số sản phẩm NK chủ yếu:									
	+ Nguyên phụ liệu may mặc	"		2,90	6,00	6,00	8,71	300,2	145,1	
	+ Máy móc phụ tùng thay thế	"	21,00	24,82	43,22	30,00	8,78	35,4	29,3	
	+ Sắt thép	"	281,00	80,90	137,63	120,00	47,40	58,6	39,5	
	+ Dầu thô	"	756,00	360,89	955,38	600,00	80,03	22,2	13,3	
4	**Chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp**									
a)	***Doanh nghiệp trong nước***									

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
	- Số DN trong nước đăng ký thành lập mới	D.nghiệp	450	376	632	450	200	53,2	44,4	
	- Lũy kế tổng số DN trong nước được thành lập	"	3.865	4.241	4.497	4.947	4.697	110,8	94,9	
	- Tổng số DN trong nước đang hoạt động	"	3.075	3.100	3.441	4.205	3.641	117,5	86,6	
	Trong đó: + Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động	"	47	34	34	34	34	100,0	100,0	
	Trong đó: Doanh nghiệp vừavà nhỏ	"	18	18	18	18	18	100,0	100,0	
	+ Doanh nghiệp dân doanh đang hoạt động	"	3.028	3.066	3.407	4.913	4.663	152,1	94,9	
	Trong đó: Doanh nghiệp vừa và nhỏ	"	2.937	2.974	3.305	4.766	4.523	152,1	94,9	
b)	***Doanh nghiệp nước ngoài***									
	- Số dự án FDI cấp phép mới	Dự án	4	3	10	3	1	33,3	33,3	
	- Tổng vốn đầu tư đăng ký mới	Triệu USD	250	17	128	105	15	90,7	14,3	
	- Lũy kế tổng số dự án FDI đã cấp phép	Dự án	22	25	28	31	29	116,0	93,5	
	- Lũy kế tổng vốn đầu tư đã đăng ký	Triệu USD	4.150,00	3.888,54	4.020,00	4.125,00	4.035,00	103,8	97,8	
	- Tổng số dự án FDI còn hiệu lực	Dự án	22	25	28	31	29	116,0	93,5	
	- Tổng vốn FDI thực hiện trong năm	Triệu USD	97,00	16,18	24,53	63,00	22,00	136,0	34,9	
	- Lũy kế tổng vốn FDI đã thực hiện	Triệu USD	495,19	414,37	429,00	492,00	451,00	108,8	91,7	
	- Số dự án FDI đi vào hoạt động trong năm	Dự án	3	1	3	2	1	100,0	50,0	
	- Lũy kế tổng số dự án FDI đã đi vào hoạt động	Dự án	11	9	11	13	12	133,3	92,3	
c)	***Hợp tác xã***									
	- Tổng số hợp tác xã	HTX	278	276	274	276	268	97,1	97,1	
	Trong đó: Thành lập mới	HTX	3	1	2	2	3	300,0	150,0	
	- Tổng số xã viên hợp tác xã	người	371.497	371.397	371.392	371.492	372.022	100,2	100,1	
	Trong đó: Xã viên mới	người	150	50	100	100	630	1.260,0	630,0	
	Tổng số lao động trong HTX		2.933		3.000	2.928	2.928		100,0	
B	**VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG**									
I	**Giáo dục - đào tạo**									
1	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:									
	- Mẫu giáo	%	83,0	73,9	77,3	83,0	77,3			
	- Tiểu học	"	98,5	98,5	98,8	98,9	98,8			

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
	- Trung học cơ sở	"	94,6	94,2	94,2	95,8	94,2			
	- Trung học phổ thông	"	74,0	74,0	74,4	75,0	74,4			
2	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%								
	- Số xã đạt chuẩn	Xã	112	106	106	153	111	104,7	72,5	
	- Tỷ lệ đạt chuẩn	%	61	57,6	57,6	83,2	60,32			
3	Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi									
	- Số xã đạt chuẩn	Xã	184	184	184	184	184	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn	%	100	100	100	100	100			
	- Số huyện đạt chuẩn	Huyện	14	14	14	14	14	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ huyện đạt chuẩn	%	100	100	100	100	100			
4	Phổ cập giáo dục trung học cơ sở									
	- Số xã đạt chuẩn	Xã	184	184	184	184	184	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn	%	100	100	100	100	100			
	- Số huyện đạt chuẩn	Huyện	14	14	14	14	14	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ huyện đạt chuẩn	%	100	100	100	100	100			
5	Số trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường	261	241	266	287	273			
	- Mầm non	"	30	28	31	42	33	117,9	78,6	
	- Tiểu học	"	127	125	131	135	132	105,6	97,8	
	- Trung học cơ sở	"	88	74	88	93	92	124,3	98,9	
	- Trung học phổ thông	"	16	14	16	17	16	114,3	94,1	
6	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia									
	- Mầm non	%	14,15	13,40	14,83	20,09	15,31			
	- Tiểu học	%	56,25	57,33	60,09	62,38	60,55			
	- Trung học cơ sở	%	53,33	44,57	52,69	58,08	55,09			
	- Trung học phổ thông	%	41,02	35,89	41,02	43,59	41,02			
II	Y tế									
1	Dân số trung bình	1000 người	1.229,961	1.232,600	1.236,250	1.241.200	1.238,700	100,5	0,1	
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	8,50	8,50	8,50	8,50	8,50			
3	Tỷ lệ giảm sinh	‰	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20			
4	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)	%		111,10	111,10	112,00	111,70			
5	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	73,80	73,80	73,80	73,80	73,80	100,0	100,0	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
6	Tổng số giường bệnh (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	3.303	2.485	2.485	2.605	2.605	104,8	100,0	
7	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	"	19,83	20,13	19,99	21,48	21,03			
8	Số bác sĩ/vạn dân	Người	5,0	5,0	5,0	5,2	5,3	106,0	101,9	
9	Số xã, phường, thị trấn có trạm y tế	Xã, Ph	182	182	182	182	182			
10	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trạm y tế	%	99	99	99	99	99			
11	Số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ	Xã, Ph		164	164	169	164	100,0	97,0	
12	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ	%	90,0	90,0	90,1	92,0	90,1			
13	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Q.gia về y tế	Xã, Ph		105	111	120	115	109,5	95,8	
14	Tỉ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Q.gia về y tế	%	57,0	57,0	60,3	65,2	63,0			
15	Tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 5 tuổi	%o	17,0	16,0	17,0	16,0	16,0			
16	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	16,0	16,5	15,9	15,7	15,8			
17	Tỷ lệ người tham gia đóng bảo hiểm y tế toàn dân	%				70	70			
III	**Lao động, việc làm, giảm nghèo**									
1	Tổng số lao động đang làm việc trong nền K.tế	1000 người	746	740	746	757	751	101,5	99,2	
	Trong đó: Số lao động được tạo việc làm mới	"	35,0	15,9	35,0	37,0	18,3	115,1	49,5	
	Trong đó: Lao động nữ	"	17,5	8,03	17,5	18,5	9,2	114,6	49,9	
2	Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế	%	100	100	100	100	100			
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	50 - 51	52,0	50,0	48,0	49,0			
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	25 - 26	25,0	26,0	28,0	27,0			
	- Dịch vụ	%	24 - 25	23,0	24,0	24,0	24,0			
3	Số lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người			4.693	5.500	5.150		93,6	
	Trong đó: Số lao động đưa đi mới trong năm	"	1.400	450	1.609	1.400	635	141,1	45,4	
4	Tỷ lệ lao động thất nghiệp									
	Trong đó: - Thành thị	%	4,0	4,1	4,0	3,9	3,9			
	- Nông thôn	%			1,8	0,88	0,9			
5	Tổng số học sinh học nghề có đến 31/12 hàng năm	H.sinh			24.684	20.405	9.300		45,6	
	Trong đó: - Cao đẳng	"			2.279	4.608	3.279		71,2	
	- Trung cấp, sơ cấp	"			22.405	15.797	6.021		38,1	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
6	Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề so với tổng số lao động	%	37,0		38	40,0	38,5			
	Trong đó: Lao động nữ	%	25,0		25	30,0	27,0			
7	Tổng số hộ	Hộ	320.100		332.231	329.000	332.231		101,0	
8	Số hộ nghèo	"	45.966		49.616	36.375	49.616		136,4	
	Trong đó: Khu vực miền núi	"			24.018	19.123	24.018		125,6	
9	Số hộ nghèo giảm trong năm	"	9.586		7.944	10.631	7.944		74,7	
	Trong đó: Khu vực miền núi	"			2.949	3.937	2.949		74,9	
10	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới Quốc gia	%	14,36		14,93	11,06	14,93		135,0	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi	%	42,60		41,57	33,85	41,57			
11	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cần được bảo vệ chăm sóc	Cháu	11.050		62.740	10.500	62.740		597,5	
IV	**Văn hóa**									
1	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa									
	Trg đó: - Gia đình văn hoá	%	77,0		79,4	79,0	79,4			
	- Thôn, khối phố văn hoá	%	60,0		72,7	73,0	72,0			
	- Cơ quan, đơn vị, trường học văn hoá	%	92,0		90,5	90,0	92,0			
2	Số xã, phường, thị trấn có điểm bưu điện văn hóa xã	Xã, Ph	156	155	155	155	155	100,0	100,0	
3	Tỷ lệ số xã, phường, thị trấn có bưu điện văn hoá xã	%		84,2	84,2	84,2	84,2	100,0	100,0	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	TH 6 tháng năm 2013	TH năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ước TH 6 tháng năm 2014	Ước TH 6 tháng 2014/TH 6 tháng 2013 (%)	Ước TH 6 tháng 2014/ KH 2014 (%)	Ghi chú
4	Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa	Xã, Ph			55	50	55		110,0	
5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa	%	30,0		30,0	27,2	30,0			
6	Số thuê bao điện thoại	Thuê bao	1.213.000	985.270	941.854	965.386	962.191	97,7	99,7	
	Trong đó: - Cố định	"		62.221	62.468	61.000	51.817	83,3	84,9	
	- Di động	"		923.049	879.386	904.386	910.374	98,6	100,7	
7	Số thuê bao internet (đã quy đổi)	"	55.000	140.580	144.520	148.600	146.250	104,0	98,4	
8	Thời lượng phát thanh	Giờ	14.234	7.117	14.234	14.234	7.117	100,0	50,0	
	Trong đó: Chương trình PTQ	"	4.927	2.464	4.927	4.927	2.464	100,0	50,0	
	Trong đó: Tiếng dân tộc ít người	"		159	318	318	159	100,0	50,0	
9	Thời lượng phát hình	Giờ	33.032	16.516	33.032	33.032	16.516	100,0	50,0	
	Trong đó: Chương trình PTQ	"	6.752	3.376	6.752	6.752	3.376	100,0	50,0	
	Trong đó: + Tiếng Việt	"		3.278	6.555	6.555	3.278	100,0	50,0	
	+ Tiếng dân tộc ít người	"		81	161	161	81	100,0	50,3	
	+ Tiếng nước ngoài	"		18	36	36	26	144,4	72,2	
10	Tỷ lệ hộ được xem đài truyền hình	%	97	97	97	97	97	100,0	100,0	
V	**Môi trường và chỉ tiêu xã hội khác**									
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	47,3		48,3	48,5	48,5			
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại (rắn, lỏng) được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%			80,0	80,0	80,0			
3	Tỷ lệ xử lý rác thải rắn ở KCN, KKT và đô thị	%	75,0		72,0	75,0	75,0			
4	Tỷ lệ xử lý rác thải, chất thải rắn ở nông thôn	%	70,0		25,0	70,0	70,0			
5	Số Khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu CN	1		1	2	2		100,0	
6	Tỷ lệ xử lý nước thải trong các khu CN, khu KT	%	33,0		66,7	66,0	66,0			
7	Tỷ lệ xử lý chất thải y tế	%	78,0		73,7	73,7	73,7			
8	Tỷ lệ cây xanh đô thị (TP.Q.Ngãi và các thị trấn)	%	67,0		67,0	67,0	67,0			
9	Tỷ lệ dân cư đô thị dùng nước sạch	%	90,0		85,0	85,0	85,0			
10	Tỷ lệ dân cư nông thôn dùng nước hợp vệ sinh	%	80,0		80,5	82,5	80,5			
11	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	98,3		98,4	98,5	98,4			
12	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh	%	17,0		15,4	16,2	15,5			